

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2023

V/v tranh chấp về HN & GD- ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hoàng

Ông Nguyễn Phú Hữu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLST-DS ngày 20/3/2023, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 172/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số nhà 585, đường Cách Mạng Tám, Tổ 82, Khóm Mỹ Thiện, Phường C, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số nhà 585, đường Cách Mạng Tám, Tổ 82, Khóm Mỹ Thiện, Phường C, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2023, đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đ kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố Cao Lãnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/2002; Quyền số 04, cấp ngày 07/11/2002.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2012 anh Đ thường xuyên uống rượu và tụ tập chơi bời với bạn bè. Ngoài ra, anh Đ thường xuyên ghen tuông vô cớ, dùng những lời lẽ không hay xúc phạm chị H và cũng không chăm lo cho các con.

Đến năm 2015 chị H đi làm công nhân ở Bình Dương và ly thân, đến đầu năm 2022 anh Đ có lên gặp chị H để nói chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Mặc dù chị H nhiều lần khuyên anh Đ lo làm ăn, không chơi bời, ghen tuông vô cớ để vợ chồng cùng chăm lo cho các con nhưng anh Đ không thay đổi nên từ đó đến nay anh chị không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay, chị H nhận thấy đời sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục và không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 2003 (đã trưởng thành và đang sống chung với chị H) và Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 26/12/2012. Hiện cháu T đang sống với anh Đ. Khi ly hôn chị H đồng ý giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản ý kiến về việc chị H yêu cầu ly hôn với anh Đ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Đ có địa chỉ tại Phường C, thành phố Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị H và anh Đ được xác lập năm 2002, hôn nhân của chị H và anh Đ là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố Cao Lãnh vào ngày 07/11/2002

nên quan hệ hôn nhân của chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ việc anh Đ không lo làm ăn, không có công việc ổn định. Mặc dù, chị H nhiều lần khuyên can nhưng anh Đ vẫn không chí thú làm ăn để chăm lo cho gia đình nên chị H và anh Đ đã ly thân nhiều năm nhưng không hàn gắn được tình cảm. Do đó, chị H nộp đơn xin ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 2003 (đã trưởng thành và đang sống chung với chị H) và Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 26/12/2012 (Hiện cháu T đang sống với anh Đ). Khi ly hôn chị H đồng ý giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, chị H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Hoài T tại văn bản ý kiến ghi ngày 20/3/2023 thể hiện nguyện vọng của cháu được sống với cha là anh Nguyễn Hoàng Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nhưng theo trình bày của chị H cho rằng nguyên nhân dẫn đến chị yêu cầu ly hôn là do anh Đ không có công việc ổn định, không chí thú làm ăn. Do đó, xét về thu nhập của anh Đ hiện tại không ổn định để đảm bảo nuôi dưỡng cháu T, trong khi chị H có công việc ổn định nhưng lại không đồng ý nuôi dưỡng cháu T nên Hội đồng xét xử xem xét việc cấp dưỡng nuôi con của chị H đối với cháu T là phù hợp. Về mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 đến khi cháu Nguyễn Thị Hoài T đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Chị H trình bày tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ: Chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét về nợ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Đ.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 26/12/2012 cho anh Nguyễn Hoàng Đ nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 đến khi cháu Nguyễn Thị Hoài T đủ 18 tuổi (Hiện nay cháu T đang sống với anh Đ).

Đối với Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 2003, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị H trình bày tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ*: Chị Nguyễn Thị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0012044 ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Do anh Phan Tam K nộp thay), chị Hoài còn phải nộp 300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đường sự;
- VKSND TPCL;
- UBND xã Phường C, TPCL;
(Số 08/2002, Quyển số 08
ngày 07/11/2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ